

**QUY CHẾ
TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ VÀ TIẾN SĨ**
*(Kèm theo Quyết định số 113/QĐ-ĐHQG ngày 04 tháng 02 năm 2021
của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: văn bản này quy định về tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ, bao gồm quy định chung; tổ chức tuyển sinh; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm; tổ chức thực hiện.

2. Đối tượng áp dụng: trường đại học, viện thành viên, khoa, phân hiệu và đơn vị trực thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) được Giám đốc ĐHQG-HCM giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ (sau đây được gọi tắt là cơ sở đào tạo).

3. Quy chế này không áp dụng đối với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ liên kết với cơ sở đào tạo nước ngoài, do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp bằng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Ngành đúng: ngành tốt nghiệp của người dự tuyển được xác định là ngành đúng với ngành dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ khi có cùng tên trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp III hoặc cấp IV của hệ thống giáo dục quốc dân.

2. Ngành gần: ngành tốt nghiệp của người dự tuyển được xác định là ngành gần với ngành dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ khi cùng nhóm ngành trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp II hoặc cấp III của hệ thống giáo dục quốc dân.

3. Ngành khác: ngành tốt nghiệp của người dự tuyển được xác định là ngành khác với ngành dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ khi không cùng nhóm ngành trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp II hoặc cấp III của hệ thống giáo dục quốc dân.

**Chương II
TỔ CHỨC TUYỂN SINH**

Điều 3. Phương thức tuyển sinh

1. Trình độ thạc sĩ: tuyển thẳng, xét tuyển, thi tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển.

2. Trình độ tiến sĩ: xét tuyển, thi tuyển hoặc kết hợp giữa xét tuyển và thi tuyển.

Điều 4. Đối tượng tuyển sinh

1. Trình độ thạc sĩ

a) Tuyển thẳng: người tốt nghiệp trình độ đại học trong hệ thống Đại học quốc gia có ngành đúng với ngành đăng ký tuyển thẳng và có năng lực ngoại ngữ được quy định tại khoản 2 Điều 8 của Quy chế này, gồm:

- Người tốt nghiệp đại học chính quy chương trình kỹ sư với chương trình đào tạo từ 150 tín chỉ trở lên;
- Người tốt nghiệp đại học chính quy loại giỏi có điểm trung bình tích lũy từ 8.0 trở lên (theo thang điểm 10);
- Người tốt nghiệp đại học chính quy là thủ khoa của ngành;
- Người tốt nghiệp đại học đạt giải nhất, nhì, ba các kỳ thi Olympic sinh viên trong nước và ngoài nước.

b) Xét tuyển: người tốt nghiệp trình độ đại học ngành đúng, ngành gần với ngành đăng ký xét tuyển.

- Người tốt nghiệp đại học các chương trình đạt chuẩn kiểm định hoặc đánh giá theo các bộ tiêu chuẩn khu vực và quốc tế như AUN-QA, AACSB, ACBSP, ABET, EUR-ACE, FIBAA, CTI.

- Người tốt nghiệp đại học chính quy từ các cơ sở đào tạo đạt chuẩn kiểm định hoặc đánh giá theo các bộ tiêu chuẩn khu vực và quốc tế như AUN-QA, HCERES có điểm trung bình tích lũy từ 7.0 điểm trở lên (theo thang điểm 10);

- Người tốt nghiệp chương trình kỹ sư, cử nhân tài năng của Đại học quốc gia;

- Người tốt nghiệp chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo ở một số trường đại học của Việt Nam, có điểm trung bình tích lũy từ 7.0 điểm trở lên (theo thang điểm 10);

- Người tốt nghiệp đại học chính quy ngành gần với ngành đăng ký xét tuyển loại giỏi có điểm trung bình tích lũy từ 8.0 điểm trở lên (theo thang điểm 10);

- Sinh viên các ngành đào tạo liên thông từ trình độ đại học lên trình độ thạc sĩ của ĐHQG-HCM;

- Người tốt nghiệp đại học có chứng chỉ quốc tế GMAT (Graduate Management Admission Test), GRE (The Graduate Record Examination) hoặc đạt kỳ thi đánh giá năng lực sau đại học của Đại học Quốc gia còn trong thời gian hiệu lực;

- Người nước ngoài.

c) Thi tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển: **Người tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành gần, ngành khác với ngành dự tuyển.**

2. Trình độ tiến sĩ:

Người dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Người tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học chính quy loại giỏi có điểm trung bình tích lũy từ 8.0 trở lên (theo thang điểm 10);

b) Là tác giả chính hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 bài báo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trong các tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện hoặc có chỉ số ISSN/ISBN trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

- c) Có năng lực ngoại ngữ được quy định tại khoản 2 Điều 8 của Quy chế này;
- d) Các điều kiện khác đối với phương thức xét tuyển, thi tuyển hoặc kết hợp giữa xét tuyển và thi tuyển do thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định.

3. Thời gian tuyển thẳng và xét tuyển các trường hợp tại điểm a và b khoản 1 của Điều này tối đa là 24 tháng tính từ ngày ký văn bằng tốt nghiệp đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.

Điều 5. Chỉ tiêu tuyển sinh và địa điểm tổ chức tuyển sinh

1. Chỉ tiêu tuyển sinh

- a) Cơ sở đào tạo xác định chỉ tiêu tuyển sinh theo quy định hiện hành.
- b) Chỉ tiêu tuyển sinh của năm nào thì thực hiện trong năm đó, không được chuyển sang năm sau.

2. Địa điểm tuyển sinh

- a) Trụ sở của cơ sở đào tạo thuộc ĐHQG-HCM.
- b) Việc tổ chức tuyển sinh ngoài địa điểm quy định tại điểm a khoản 2 của Điều này phải được Giám đốc ĐHQG-HCM cho phép.

Điều 6. Đề án tuyển sinh

1. Thông tin về tuyển sinh theo từng cơ sở đào tạo, trong đó nêu cụ thể thông tin từng ngành tuyển sinh:

- a) Tên chương trình, năm bắt đầu đào tạo, quyết định mở ngành đào tạo;
- b) Chỉ tiêu tuyển sinh (dự kiến), phương thức tuyển sinh, ngưỡng điểm bảo đảm chất lượng và tỷ lệ phần trăm chỉ tiêu theo phương thức tuyển sinh của từng ngành;
- c) Điều kiện và đối tượng tuyển sinh trình độ thạc sĩ, tiến sĩ đối với từng phương thức tuyển sinh;
- d) Chính sách ưu tiên;
- đ) Quy trình tuyển sinh;
- e) Số lần tuyển sinh trong năm;
- g) Tổ hợp môn thi/xét tuyển/kết hợp giữa xét tuyển và thi tuyển;
- h) Dạng thức đề thi, thời gian tuyển sinh trong năm.

2. Quy định cụ thể về điều kiện văn bằng, điểm trung bình tích lũy của thí sinh dự tuyển với ngành đúng, ngành gần, ngành khác với ngành tuyển sinh trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.

3. Quy định về danh mục ngành đúng, ngành gần, ngành khác với ngành tuyển sinh; việc học bổ sung kiến thức.

4. Địa điểm tổ chức tuyển sinh, hình thức đào tạo, địa điểm đào tạo, tình trạng kiểm định của chương trình đào tạo, chi phí đào tạo, mức thu học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho từng năm học, lộ trình cả khóa học.

5. Cơ sở đào tạo chịu trách nhiệm giải trình về Đề án tuyển sinh đã công bố với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và các bên liên quan theo quy định pháp luật hiện hành và theo yêu cầu; chịu trách nhiệm trước pháp luật về điều kiện tuyển sinh,

các điều kiện bảo đảm chất lượng, tính đầy đủ, chính xác của những nội dung trong Đề án tuyển sinh.

6. Cơ sở đào tạo có thể điều chỉnh Đề án tuyển sinh và công bố công khai Đề án tuyển sinh trên cổng thông tin điện tử của cơ sở đào tạo trước khi ứng viên bắt đầu đăng ký dự tuyển ít nhất 30 ngày làm việc.

Điều 7. Môn thi tuyển sinh

1. Trình độ thạc sĩ: tối thiểu 02 môn và môn ngoại ngữ.
2. Trình độ tiến sĩ: do thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định.

Điều 8. Môn ngoại ngữ

1. Môn thi ngoại ngữ

a) Là một trong các ngoại ngữ sau: Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật, Hàn.

b) Thí sinh dự thi trình độ thạc sĩ, tiến sĩ ngành ngoại ngữ phải dự tuyển ngoại ngữ thứ hai.

c) Môn thi ngoại ngữ được Giám đốc ĐHQG-HCM giao nhiệm vụ cho cơ sở đào tạo hoặc tổ chức có đủ năng lực tổ chức thi.

2. Điều kiện miễn thi môn ngoại ngữ

Người dự tuyển đạt năng lực ngoại ngữ có văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận được quy định tại Phụ lục I của Quy chế này.

Điều 9. Học bổ sung kiến thức

1. Người tốt nghiệp đại học, thạc sĩ ngành gần, hoặc ngành khác với ngành tuyển sinh trình độ thạc sĩ, tiến sĩ phải học bổ sung kiến thức.

2. Người tốt nghiệp chương trình thạc sĩ ứng dụng theo phương thức không yêu cầu luận văn phải học bổ sung kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học và các học phần theo yêu cầu của cơ sở đào tạo trước khi học chương trình tiến sĩ nghiên cứu.

3. Thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định chi tiết:

a) Môn học bổ sung kiến thức, khối lượng học bổ sung kiến thức của ngành gần, ngành khác với ngành tuyển sinh;

b) Thời gian công nhận hiệu lực của môn học bổ sung kiến thức, thời gian tổ chức học bổ sung kiến thức.

Điều 10. Dự bị tiến sĩ

1. Người dự tuyển chưa đáp ứng các quy định tại điểm b, điểm c, khoản 2 Điều 4 có thể nộp hồ sơ xin đăng ký học dự bị tiến sĩ. Trong thời gian tối đa 24 tháng, người học dự bị tiến sĩ có thể hoàn thiện, bổ sung các điều kiện dự tuyển theo quy định.

2. Việc đăng ký học, tổ chức đào tạo dự bị tiến sĩ được quy định trong Phụ lục II.

Điều 11. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Người hướng dẫn độc lập phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Giáo dục đại học và các quy định pháp luật khác có liên quan; trường

hợp người hướng dẫn là nhà khoa học người nước ngoài, nhà khoa học Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài thì phải có thỏa thuận về việc hướng dẫn nghiên cứu sinh với cơ sở đào tạo;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp;

c) Trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh phải: (i) là tác giả chính của tối thiểu 01 bài báo công bố trên tạp chí khoa học thuộc danh mục ISI hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục các tạp chí ISI/Scopus); hoặc (ii) là đồng tác giả 02 bài báo công bố trên tạp chí khoa học thuộc danh mục ISI/Scopus; hoặc (iii) là chủ nhân hoặc đồng chủ nhân của 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia hoặc quốc tế; hoặc (iv) là tác giả chính hoặc đồng tác giả 02 bài báo công bố trên kỷ yếu hội thảo quốc tế, tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện hoặc có chỉ số ISBN/ISSN. Các công trình này thuộc lĩnh vực liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh;

d) Trường hợp chưa có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư thì phải có tối thiểu 03 năm (36 tháng) làm công tác nghiên cứu khoa học hoặc giảng dạy kể từ khi có quyết định cấp bằng tiến sĩ và trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh phải đáp ứng: (i) quy định tại điểm c khoản này và là tác giả chính của thêm 01 bài báo công bố trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI/Scopus; (ii) hoặc quy định tại điểm c khoản này và minh chứng thêm 01 giải thưởng chính thức của các cuộc thi quốc gia hoặc quốc tế trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật và thể dục thể thao;

đ) Bảo đảm đủ năng lực ngoại ngữ phục vụ nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế;

e) Là giảng viên hoặc nghiên cứu viên cơ hữu của cơ sở đào tạo thuộc ĐHQG-HCM.

2. Mỗi nghiên cứu sinh có tối đa 02 người hướng dẫn, trong đó:

a) Người hướng dẫn chính phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều này;

b) Người hướng dẫn phụ phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều này và là tác giả hoặc đồng tác giả tối thiểu 05 bài báo công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành phù hợp trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh. Đối với người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư, ngoài các yêu cầu như đã nêu trên thì phải có tối thiểu 03 năm (36 tháng) làm công tác nghiên cứu khoa học hoặc giảng dạy kể từ khi có quyết định cấp bằng tiến sĩ;

c) Ít nhất phải có một người là giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của cơ sở đào tạo thuộc ĐHQG-HCM.

3. Nhiệm vụ và quyền của người hướng dẫn:

a) Thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật Giáo dục đại học;

b) Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư, phó giáo sư được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 07 nghiên cứu sinh; người có bằng tiến sĩ khoa học hoặc bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 05 nghiên cứu sinh.

Đối với người hướng dẫn có nhiều công trình khoa học (là tác giả chính có từ 03 công trình khoa học đăng trên tạp chí thuộc danh mục các tạp chí ISI - Scopus/năm trở lên, liên tục trong 03 năm gần nhất), có các đề tài hỗ trợ kinh phí cho nghiên cứu sinh, thủ trưởng cơ sở đào tạo báo cáo ĐHQG-HCM xem xét việc tăng số lượng nghiên cứu sinh được hướng dẫn;

c) Không được hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn nghiên cứu sinh mới nếu trong vòng 06 năm (72 tháng) tính đến thời điểm được giao nhiệm vụ có 02 nghiên cứu sinh có luận án không được hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo thông qua;

d) Hướng dẫn nghiên cứu sinh chuẩn bị đề cương nghiên cứu trong quá trình đăng ký dự tuyển vào chương trình đào tạo tiến sĩ, và tiếp tục hướng dẫn nghiên cứu sinh học tập, nghiên cứu nếu nghiên cứu sinh trúng tuyển;

đ) Duyệt kế hoạch học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

e) Xác định các chuyên đề tiến sĩ cần thiết trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ cho nghiên cứu sinh; đề xuất với đơn vị chuyên môn để trình thủ trưởng cơ sở đào tạo quyết định;

g) Lên kế hoạch tháng, quý, năm làm việc với nghiên cứu sinh. Tổ chức, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và đôn đốc nghiên cứu sinh học tập và thực hiện đề tài luận án, tham gia hội nghị khoa học, duyệt và hỗ trợ nghiên cứu sinh công bố các kết quả nghiên cứu;

h) Hướng dẫn nghiên cứu sinh chuẩn bị tiểu luận tổng quan, báo cáo chuyên đề theo lịch trình của đơn vị chuyên môn; chuẩn bị bài giảng, tài liệu để tham gia giảng dạy, tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiên cứu, hỗ trợ hoạt động đào tạo tại cơ sở đào tạo theo sự phân công của đơn vị chuyên môn;

i) Có nhận xét về tình hình học tập, nghiên cứu, tiến độ đạt được của nghiên cứu sinh trong các báo cáo định kỳ của nghiên cứu sinh gửi đơn vị chuyên môn;

k) Duyệt luận án của nghiên cứu sinh, xác nhận các kết quả đã đạt được và đề nghị cho nghiên cứu sinh bảo vệ, nếu luận án đã đáp ứng các yêu cầu;

l) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của cơ sở đào tạo.

Điều 12. Đối tượng và chính sách ưu tiên

1. Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 02 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 02 năm trở lên ở địa phương được quy định tại điểm a khoản này;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được cơ quan có thẩm quyền xác nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

2. Mức ưu tiên

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại Khoản 1 Điều này (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi 10% trên tổng điểm môn ngoại ngữ và cộng 10% trên tổng điểm một môn thi (thang điểm 10) theo quy định tại Điều 7.

Điều 13. Ban Chỉ đạo tuyển sinh ĐHQG-HCM

1. Ban Chỉ đạo do Giám đốc ĐHQG-HCM ra quyết định thành lập. Ban Sau đại học là đơn vị thường trực của Ban Chỉ đạo tuyển sinh, là đầu mối để thực thi việc chỉ đạo, giám sát, kiểm tra và tham mưu cho Ban Chỉ đạo tuyển sinh giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác tuyển sinh của ĐHQG-HCM. Thành phần Ban Chỉ đạo tuyển sinh gồm:

a) Trưởng Ban Chỉ đạo: Giám đốc hoặc Phó Giám đốc ĐHQG-HCM;

b) Phó Trưởng Ban Chỉ đạo: Phó Giám đốc ĐHQG-HCM hoặc Trưởng ban Ban Sau đại học;

c) Ủy viên thường trực: Lãnh đạo Ban Sau đại học;

d) Các ủy viên: Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng cơ sở đào tạo và lãnh đạo các ban chức năng liên quan của ĐHQG-HCM.

2. Ban Chỉ đạo có trách nhiệm chỉ đạo, điều hành và giám sát các hoạt động liên quan đến tuyển sinh.

Điều 14. Ban Thư ký tuyển sinh ĐHQG-HCM

1. Thành phần gồm: Trưởng ban và các ủy viên. Trong đó, Trưởng ban là Ủy viên thường trực của Ban Chỉ đạo.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thư ký tuyển sinh ĐHQG-HCM:

a) Lập kế hoạch tuyển sinh;

b) Tổng hợp các báo cáo về công tác tổ chức tuyển sinh từ các Hội đồng tuyển sinh cơ sở;

c) Tham mưu, tư vấn cho Ban Chỉ đạo xử lý các vấn đề liên quan đến tuyển sinh;

d) Phối hợp với các đơn vị liên quan trong công tác tổ chức tuyển sinh;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban Chỉ đạo tuyển sinh giao.

Điều 15. Hội đồng tuyển sinh cơ sở và các bộ phận giúp việc

1. Hội đồng tuyển sinh cơ sở: Thành phần, trách nhiệm, quyền hạn do thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định.

2. Các bộ phận giúp việc của hội đồng tuyển sinh cơ sở: Thành phần, trách nhiệm, quyền hạn do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh cơ sở quy định và đảm bảo tính độc lập, khách quan giữa các bộ phận.

Điều 16. Trách nhiệm của thủ trưởng cơ sở đào tạo

Thủ trưởng cơ sở đào tạo có trách nhiệm:

1. Xây dựng Đề án tuyển sinh hàng năm.
2. Quy định chi tiết về chấm thi tuyển sinh; xử lý các trường hợp ra đề thi sai, in sai hoặc lộ đề thi; thang điểm chấm thi và xử lý kết quả chấm thi; trách nhiệm của cá nhân, các bộ phận giúp việc và thí sinh; xử lý vi phạm cá nhân, tập thể và thí sinh có liên quan trong tuyển sinh.
3. Thẩm định và chịu trách nhiệm về tính xác thực của văn bằng, chứng chỉ trước khi công nhận trúng tuyển.
4. Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển và nhập học.
5. Ban hành các quy định về tuyển sinh và xây dựng các biểu mẫu và các quy định khác liên quan đến tuyển sinh.
6. Quy định điều kiện học chương trình thạc sĩ nghiên cứu và chương trình thạc sĩ ứng dụng.
7. Tổ chức đào tạo dự bị tiến sĩ.

Điều 17. Điều kiện trúng tuyển và thời gian công nhận trúng tuyển

1. Điều kiện trúng tuyển: căn cứ vào Đề án tuyển sinh đã được công bố, hội đồng tuyển sinh cơ sở xác định phương án trúng tuyển.
2. Thời gian công nhận trúng tuyển: Thủ trưởng cơ sở đào tạo ký quyết định công nhận trúng tuyển trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ và báo cáo ĐHQG-HCM 02 lần trong năm vào tháng 7 và tháng 12 của năm tuyển sinh.

Điều 18. Chế độ báo cáo, lưu trữ

1. Cơ sở đào tạo có trách nhiệm báo cáo ĐHQG-HCM về tình hình tuyển sinh, quyết định kèm danh sách thí sinh trúng tuyển, quyết định kèm danh sách nhập học của học viên cao học, nghiên cứu sinh theo Phụ lục III.
2. Các tài liệu, hồ sơ của thí sinh, tài liệu của cơ sở đào tạo liên quan đến tuyển sinh phải được bảo quản và lưu trữ tại cơ sở đào tạo theo quy định hiện hành của công tác lưu trữ.

Chương III

THANH TRA, KIỂM TRA, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 19. Thanh tra, kiểm tra

1. Giám đốc ĐHQG-HCM ra quyết định thành lập đoàn thanh tra tuyển sinh sau đại học của ĐHQG-HCM. Thủ trưởng cơ sở đào tạo ra quyết định thành lập đoàn thanh tra tuyển sinh sau đại học của các cơ sở đào tạo.
2. Đoàn thanh tra tuyển sinh sau đại học ĐHQG-HCM thực hiện thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh trình độ thạc sĩ, tiến sĩ của các cơ sở đào tạo theo các quy định hiện hành.
3. Đoàn thanh tra tuyển sinh sau đại học của cơ sở đào tạo có trách nhiệm kiểm tra, thanh tra nội bộ về công tác tuyển sinh trình độ thạc sĩ, tiến sĩ tại cơ sở; đồng thời, chịu sự thanh tra, kiểm tra của ĐHQG-HCM.

4. Nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm các hoạt động trong kỳ tuyển sinh. Kết luận thanh tra, kiểm tra và các kiến nghị (nếu có) được ĐHQG-HCM thông báo cho cơ sở đào tạo bằng văn bản.

Điều 20. Khiếu nại, tố cáo

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo về hoạt động vi phạm quy chế của cơ sở đào tạo, về gian lận của thí sinh, về sai phạm trong thực hiện tuyển sinh.

2. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 21. Xử lý vi phạm

Cá nhân, tổ chức vi phạm một trong các nội dung sau, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự. Nếu hành vi vi phạm gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

1. Ban hành các quyết định, văn bản có liên quan đến công tác tuyển sinh không đúng thẩm quyền và trái với các quy định của Quy chế này;

2. Tuyển sinh những ngành chưa có quyết định mở ngành;

3. Tuyển sinh vượt chỉ tiêu;

4. Không công khai Đề án tuyển sinh theo quy định;

5. Tổ chức tuyển sinh không đúng với các quy định trong Đề án tuyển sinh đã công bố và các vấn đề khác liên quan đến tuyển sinh.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Quy chế này áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2021.

Điều 23. Quy chế này thay thế:

- Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 83/QĐ-ĐHQG ngày 19 tháng 02 năm 2016 của ĐHQG-HCM;

- Quyết định về việc sửa đổi bổ sung Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ của ĐHQG-HCM do Giám đốc ĐHQG-HCM ban hành kèm theo Quyết định số 1221/QĐ-ĐHQG ngày 11/11/2016;

- Quyết định về việc sửa đổi bổ sung Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ của ĐHQG-HCM do Giám đốc ĐHQG-HCM ban hành kèm theo Quyết định số 783/QĐ-ĐHQG ngày 21/7/2017;

- Quyết định về việc sửa đổi bổ sung Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ của ĐHQG-HCM do Giám đốc ĐHQG-HCM ban hành kèm theo Quyết định số 09/QĐ-ĐHQG ngày 05/01/2018;

Điều 24. Thủ trưởng cơ sở đào tạo xây dựng quy định chi tiết về tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ, báo cáo ĐHQG-HCM. Cơ sở đào tạo chỉ được tuyển sinh sau khi ban hành quy định.

Điều 25. Căn cứ tình hình thực tế, Giám đốc ĐHQG-HCM xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung các điều khoản của quy chế này.

Phụ lục I
VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ, CHỨNG NHẬN
ĐƯỢC CÔNG NHẬN ĐẠT CHUẨN TRÌNH ĐỘ B1 VÀ B2
(Kèm theo Quyết định số 113/QĐ-ĐHQG ngày 04 tháng 02 năm 2021
của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Chứng chỉ hoặc chứng nhận được công nhận ngoại ngữ đầu vào trình độ thạc sĩ và tiến sĩ theo khung năng lực 6 bậc dành cho Việt Nam.

Chứng chỉ hoặc chứng nhận có thời hạn 02 năm tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc ĐHQG-HCM công nhận.

a) Trình độ thạc sĩ

- Chứng chỉ ngoại ngữ đầu vào tối thiểu đạt bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (tương đương B1 theo CEFR) theo Quy chế đào tạo Đại học hiện hành của ĐHQG-HCM, **áp dụng đối với các ngoại ngữ được quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 8 của Quy chế này.**

- Chứng chỉ/chứng nhận ngoại ngữ đầu vào đạt bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (tương đương B1 theo CEFR) của các cơ sở đào tạo được Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQG-HCM công nhận.

b) Trình độ tiến sĩ

Chứng chỉ ngoại ngữ đầu vào tối thiểu đạt bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (tương đương B2 theo CEFR). Cụ thể:

ST T	Ngôn ngữ	Chứng chỉ	Thang điểm tối thiểu
			B2
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	46
2		IELTS	5.5
3		TOEIC (L-R) và TOEIC (S-W)	550 220
4		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill. Thang điểm : 160
5	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 400 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
6	Tiếng Đức	Goethe -Institut TestDaF	Goethe- Zertifikat B2
7	Tiếng Trung	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Level 4
8	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	JLPT N3
9	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-2
10	Tiếng Hàn	TOPIK	TOPIK Level 4

2. Các trường hợp miễn thi ngoại ngữ khác

a) Người dự tuyển là công dân Việt Nam được miễn đánh giá năng lực ngoại ngữ khi có một trong những minh chứng sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài mà trong đó ngôn ngữ giảng dạy là ngôn ngữ của môn thi ngoại ngữ, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

- Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc chương trình kỹ sư chất lượng cao Việt Pháp (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng, có bằng tốt nghiệp các chương trình giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh không qua phiên dịch được Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc ĐHQG-HCM công nhận;

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài được quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 8 của Quy chế này.

b) Người dự tuyển là công dân nước ngoài, lưu học sinh Hiệp định (là người nước ngoài được tiếp nhận học tập tại Việt Nam và được Chính phủ Việt Nam cấp học bổng theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên) nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo bằng ngôn ngữ tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ theo quy định ngoại ngữ của cơ sở đào tạo. Trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ thì được miễn yêu cầu về ngoại ngữ.

Phụ lục II

DỰ BỊ TIẾN SĨ

*(Kèm theo Quyết định số 113/QĐ-ĐHQG ngày 04 tháng 02 năm 2021
của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)*

1. Đăng ký học dự bị tiến sĩ và đào tạo dự bị tiến sĩ

- a) Thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định cụ thể về đăng ký học, đào tạo dự bị tiến sĩ và thông báo rộng rãi trước kỳ tuyển sinh;
- b) Cơ sở đào tạo đảm bảo quyền lợi, điều kiện học tập và nghiên cứu khoa học của người học dự bị tiến sĩ;
- c) Cơ sở đào tạo đảm bảo việc ưu tiên xét tuyển nghiên cứu sinh khi người học dự bị tiến sĩ đã hoàn tất các điều kiện xét tuyển nghiên cứu sinh theo yêu cầu của cơ sở đào tạo;
- d) Cơ sở đào tạo quy định cụ thể việc xét tuyển nghiên cứu sinh đối với người học dự bị tiến sĩ, quy định cụ thể việc công nhận tích lũy tín chỉ từ chương trình dự bị tiến sĩ.

2. Quyền lợi của người học dự bị tiến sĩ

- a) Được tham gia học tập, nghiên cứu cùng các nghiên cứu sinh chính thức;
- b) Được tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng tiền tiến sĩ, phương pháp nghiên cứu khoa học;
- c) Được tích lũy các tín chỉ trong chương trình đào tạo tiến sĩ tương ứng, nhưng không quá 50% số tín chỉ của chương trình;
- d) Được tiếp cận các nguồn tài liệu, sử dụng thư viện, các trang thiết bị thí nghiệm phục vụ cho học tập, nghiên cứu khoa học và thực hiện luận án;
- đ) Được tham gia nghiên cứu khoa học và công bố các bài báo khoa học liên quan đến đề tài nghiên cứu. Các bài báo khoa học, kết quả nghiên cứu này được sử dụng trong quá trình làm nghiên cứu sinh chính thức;
- e) Thời gian học dự bị tiến sĩ không tính trong thời gian đào tạo tiến sĩ;
- g) Các quyền lợi khác theo quy định của cơ sở đào tạo.

3. Trách nhiệm của người học dự bị tiến sĩ

- a) Tuân thủ các quy định về học tập, nghiên cứu của cơ sở đào tạo;
- b) Thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của cơ sở đào tạo. Cơ sở đào tạo xây dựng quy định cụ thể về kinh phí cho chương trình dự bị tiến sĩ;
- c) Trong thời gian tối đa 24 tháng, người học dự bị tiến sĩ phải hoàn thiện, bổ sung các điều kiện dự tuyển còn thiếu để được xét tuyển nghiên cứu sinh chính thức;
- d) Hoàn thành chương trình tiền tiến sĩ
- đ) Các trách nhiệm khác theo quy định của cơ sở đào tạo.

Phụ lục III-Mẫu 1*(Kèm theo Quyết định số 113/QĐ-ĐHQG ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)***ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CSDT: ...****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CAO HỌC***(Kèm theo văn bản số)*

STT	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã ngành	Tên ngành	Kết quả tuyển sinh			Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
								Ngoại ngữ (ghi rõ điểm hoặc loại, VB, CC)	Môn 1	Môn 2		

Người lập biểu

Ngày tháng năm
Thủ trưởng cơ sở đào tạo

Phụ lục III-Mẫu 2*(Kèm theo Quyết định số 113/QĐ-ĐHQG ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)*

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CSĐT: ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**DANH SÁCH HỌC VIÊN NHẬP HỌC***(Kèm theo văn bản số)*

STT	SBD	MSHV	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã ngành	Tên ngành	Số QĐ trúng tuyển	Ghi chú

Người lập biểu

..., ngày tháng năm
Thủ trưởng cơ sở đào tạo

Phụ lục III-Mẫu 3*(Kèm theo Quyết định số 113/QĐ-ĐHQG ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)***ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CSĐT: ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH***(Kèm theo văn bản số ...)*

STT	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã ngành	Tên ngành	Kết quả tuyển sinh		Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
								Ngoại ngữ (ghi rõ điểm, loại VB/CC)	Bảo vệ đề cương		

Người lập biểu

..., ngày tháng năm
Thủ trưởng cơ sở đào tạo

Phụ lục III-Mẫu 4*(Kèm theo Quyết định số 113/QĐ-ĐHQG ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)***ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CSĐT: ...**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****DANH SÁCH NGHIÊN CỨU SINH NHẬP HỌC***(Kèm theo văn bản số ...)*

STT	SBD	MSNCS	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã ngành	Tên ngành	Số QĐ trúng tuyển	Ghi chú

Người lập biểu

...,ngày tháng năm

Thủ trưởng cơ sở đào tạo

Phụ lục III-Mẫu 5*(Kèm theo Quyết định số 113/QĐ-ĐHQG ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)*

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CSĐT: ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỔNG HỢP THI TUYỂN, XÉT TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ, TIẾN SĨ
 THEO TỪNG ĐỢT TUYỂN SINH**

TT	Trình độ	Chỉ tiêu cả năm	Tuyển sinh đợt 1						Chỉ tiêu còn lại	Tuyển sinh đợt 2						Đợt	
			Tuyển thẳng	Xét tuyển	Thi tuyển	Trúng tuyển	Nhập học	Tỉ lệ % TT/CT		Tuyển thẳng	Xét tuyển	Thi tuyển	Trúng tuyển	Nhập học	Tỉ lệ % TT/CT		
	Thạc sĩ																
	Tiến sĩ																

Ghi chú: Ngày tuyển sinh từng đợt và từng trình độ

Người lập biểu

...,ngày tháng năm
 Thủ trưởng cơ sở đào tạo

Phụ lục III-Mẫu 6

(Kèm theo Quyết định số 113/QĐ-ĐHQG ngày 04 tháng 02 năm 2021
của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
CSĐT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**THỐNG KÊ SỐ THÍ SINH
ĐƯỢC XÉT TUYỂN ĐÀO TẠO MÔN NGOẠI NGỮ
THEO LOẠI VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ, CHỨNG NHẬN**

TT	Loại VB/CC	Trình độ thạc sĩ			Trình độ tiến sĩ	
		Tuyển thăng	Xét tuyển	Thi	Xét tuyển	Thi
1	IELTS					
2	TOEIC					
3	TOEFL iBT					
4	Cambridge Assessment English					
	Chứng chỉ tiếng Pháp					
6	Chứng chỉ tiếng Nga					
7	Chứng chỉ tiếng Đức					
8	Chứng chỉ tiếng Trung					
9	Chứng chỉ tiếng Nhật					
10	Chứng chỉ tiếng Hàn					
11	Cử nhân ngoại ngữ					
12	Chương trình đại học giảng dạy bằng tiếng Anh					
13	Kỹ sư CLC Việt Pháp (PFIEV)					
14	Tốt nghiệp nước ngoài					
15	Giấy chứng nhận điểm thi ngoại ngữ trong kỳ thi TSSĐH của CSĐT trong hệ thống ĐHQG- HCM (còn hạn)					
16	Chứng nhận B1, B2 được Bộ GD&ĐT và ĐHQG-HCM công nhận					
Tổng						

Người lập biểu

....., ngày.... tháng... năm
Thủ trưởng cơ sở đào tạo

Phụ lục III-Mẫu 7
(Kèm theo Quyết định số 113/QĐ-ĐHQG ngày 04 tháng 02 năm 2021
của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
CSĐT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THỐNG KÊ SỐ THÍ SINH
THEO TIÊU CHÍ TUYỂN THĂNG HOẶC XÉT TUYỂN
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

TT	Tiêu chí	Tuyển thăng	Xét tuyển	Tổng
1	Tốt nghiệp trong ĐHQG đúng ngành			
2	TNĐH chính quy CT kỹ sư với CTĐT có 150 TC trở lên			
3	TNĐH chính quy, loại giỏi (≥ 8.0).			
4	TNĐH chính quy thủ khoa của ngành			
5	TNĐH đạt giải 1,2,3 các kỳ thi Olympic SV			
6	TNĐH các CT đã được kiểm định khu vực hoặc quốc tế			
7	TNĐH CT KS, CN tài năng của ĐHQG			
8	TNĐH chính quy từ các CSĐT đã được công nhận kiểm định Quốc tế và Khu vực (≥ 7.0).			
9	TNĐH chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ GD&ĐT (≥ 7.0).			
10	TNĐH chính quy ngành gần với ngành ĐKXT loại giỏi (≥ 8.0).			
11	Sinh viên các ngành đào tạo liên thông từ trình độ đại học lên trình độ thạc sĩ			
12	Người nước ngoài			
13	Chứng chỉ quốc tế GMAT, GRE			
Tổng				

Người lập biểu

....., ngày.... tháng... năm
Thủ trưởng cơ sở đào tạo